

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

ALPHACHYMOTRYPSIN

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Thành phần hoạt chất: Alphachymotrypsin4.200 đơn vị chymotrypsin USP

Thành phần tá dược: Đường sucrose mịn, PVP K30, Amidon, Acid stearic, Aerosil 300, tinh dầu bạc hà).....v.d. 1 viên

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén tròn, màu trắng, hai mặt trơn, mùi bạc hà.

CHỈ ĐỊNH: Điều trị phù nề sau chấn thương, phẫu thuật, bỏng.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

- Dùng đường uống hoặc có thể ngậm dưới lưỡi.
- Uống: 2 viên/lần, ngày 3 - 4 lần/ngày.
- Ngậm dưới lưỡi: 4 - 6 viên/ ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC.

- Không nên dùng chung với bất kỳ thuốc khác có chứa chymotrypsin.
- Vì khả năng gây mất dịch kính, nên không khuyến cáo dùng chymotrypsin trong phẫu thuật đục nhân mắt ở người bệnh dưới 20 tuổi. Không dùng chymotrypsin cho người bệnh tăng áp suất dịch kính, có vết thương hở, bệnh đục nhân mắt bẩm sinh.
- Alphachymotrypsin là enzym dễ phân hủy, nên bảo quản nơi khô, nhiệt độ không quá 25°C để tránh làm giảm chất lượng thuốc.
- Những bệnh nhân không nên điều trị các thuốc kháng viêm dạng men gồm: người bị rối loạn đông máu di truyền (chứng máu loãng khó đông), dùng thuốc kháng đông, sắp trải qua phẫu thuật, dị ứng với protein.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

- Chymotrypsin thường được dùng phối hợp với các thuốc dạng men khác để gia tăng hiệu quả điều trị. Chế độ ăn cân đối hoặc sử dụng vitamin và bổ sung muối khoáng được khuyến cáo để gia tăng hoạt tính chymotrypsin.
- Không nên sử dụng chymotrypsin với acetylcystein, một thuốc dùng để làm tan đàm đường hô hấp.
- Không nên phối hợp chymotrypsin với thuốc kháng đông vì làm gia tăng hiệu lực của chúng.
- Không dùng chung với các thức uống có cồn, vì cồn làm bất hoạt enzym.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

- Tác dụng không mong muốn thường gặp nhất của chymotrypsin là tăng nhất thời nhãn áp do các

mảnh vụn dây chẳng bị tiêu hủy làm tắc mạng bó dây. Dùng trong nhãn khoa, có thể gặp phù giác mạc, viêm nhẹ màng bồ đào.

- Chymotrypsin có tính kháng nguyên, nên sau khi tiêm bắp, đôi khi có phản ứng dị ứng nặng.

Hướng dẫn cách xử trí ADR:

- Nếu nghi bị dị ứng, cần thử phản ứng trước khi tiêm chymotrypsin.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Cho đến nay chưa có thông tin cập nhật về quá liều Alphachymotrypsin trên người.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Enzym thủy phân protein.

Mã ATC: B06A A04, S01K X01

Chymotrypsin là enzym phân giải protein, được điều chế bằng cách hoạt hóa chymotrypsinogen, chiết xuất từ tụy bò. Chymotrypsin đặc biệt cắt các liên kết chuỗi các acid amin thơm (phenylalamin, tyrosin, tryptophan, methionin, norleucin và norvalin), nên đã phân giải các sợi của dây chằng (Zin) treo thủy tinh thể, mà không gây tác hại nặng đến các cấu trúc khác của mắt. Chymotrypsin đã từng được dùng trong phẫu thuật lấy đục tinh thể trong bao ở lứa tuổi từ 20 – 60 tuổi, nhưng hiện nay ít làm vì nhiều biến chứng và có kỹ thuật hiện đại và dụng cụ tinh xảo hơn (cách làm: lấy đục thủy tinh thể ngoài bao, nhũ tương hóa thủy tinh thể bằng sóng siêu âm và hút. Dung dịch enzym 1:5000 thường có tác dụng trong vòng 2 phút, dung dịch 1:10000 khoảng 4 phút).

Chymotrypsin cũng đã được sử dụng để điều trị phù nề do viêm, sau chấn thương, sau phẫu thuật. Thuốc ít có chứng cứ tác dụng chống viêm trong các viêm khác (viêm đường hô hấp, xoang...).

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

Chymotrypsin có bản chất là enzym thủy phân protein (như protein gây viêm...) để tạo thành các acid amin nên khi ngâm dưới lưỡi thuốc có thể tiêu viêm tại chỗ. Khi sử dụng đường uống thuốc hấp thu vào máu và phân bố nhanh ngay lập tức đến các mô, tổ chức, đặc biệt là thủy tinh thể, các mô bị viêm, mô tụ máu (do tổn thương hoặc phẫu thuật), để có tác dụng chống viêm, tan huyết khối. Do bản chất là men nên các thông số dược động học của thuốc không tồn tại. Thời gian tác dụng của thuốc phụ thuộc vào thời gian đáp ứng chống viêm và tan huyết khối trên lâm sàng.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI.

- Ép vỉ nhôm-PVDC: Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên.

- Ép vỉ nhôm-nhôm: Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

Để xa tầm tay trẻ em

Bảo quản nơi khô, nhiệt độ không quá 25 °C, tránh ánh sáng

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: ĐEVN V

TÊN, ĐỊA CHỈ, BIỂU TƯỢNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Sản xuất tại



TV.PHARM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

27 Nguyễn Chí Thanh - K.2 - P.9 - Tp. Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh

ĐT: (0294) 3753121, Fax: (0294) 3740239

NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG HDSD THUỐC: 09.10.2018